

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2025

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thu In**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đoàn Thị Liễu**

Bà **Chung Kim Sang**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Tôn Thị Thu H**, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 337, ấp S, phường V, tỉnh An Giang.

* Bị đơn: Anh **Trịnh Nghĩa Đ**, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: tổ 15, ấp S, phường V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tôn Thị Thu H thống nhất trình bày:* Chị H và anh Trịnh Nghĩa Đ tự quen nhau, chung sống có tổ chức lễ cưới năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Kiên Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang), ngày 20/5/2015.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, nên thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H làm đơn xin ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị H xác định có 01 người con chung tên Trịnh Thành T, sinh ngày 27/8/2016, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H xác định không có.

* Bị đơn anh Trịnh Nghĩa Đ đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh Trịnh Nghĩa Đ không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trịnh Nghĩa Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tôn Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Tôn Thị Thu H; bị đơn anh Trịnh Nghĩa Đ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Tôn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với bị đơn anh Trịnh Nghĩa Đ. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tôn Thị Thu H và anh Trịnh Nghĩa Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Kiên Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/5/2015, nên theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn chị H xác nhận là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, nên thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa. Mặc dù chị H và anh Đ đã tự hòa giải để đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên sâu sắc, và anh chị đã sống ly thân với

nhau từ năm 2024 đến nay. Nay chị H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Phía anh Đ không có ý kiến theo yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị H và anh Đ không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh, chị sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh Đ.

[4] Về con chung: Chị H xác định có 01 người con chung tên Trịnh Thành T, sinh ngày 27/8/2016, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại biên bản trình bày nguyện vọng cháu T có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là chị H khi cha mẹ ly hôn, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trịnh Thành T, sinh ngày 27/8/2016 cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do anh Trịnh Nghĩa Đ không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên anh Đ có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Tôn Thị Thu H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tôn Thị Thu H được ly hôn với anh Trịnh Nghĩa Đ.

2/ Về con chung: Giao người con chung tên Trịnh Thành T, sinh ngày 27/8/2016 cho chị Tôn Thị Thu H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Trịnh Nghĩa Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Tôn Thị Thu H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị Tôn Thị Thu H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc chị Tôn Thị Thu H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị Hà được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000328 ngày 01/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, chị Hà không phải nộp thêm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực I-An Giang;
- Phòng THA dân sự khu vực I-An Giang;
- UBND xã T, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THU IN